

Đề thi Học kì 2 theo Thông tư 22

Năm học 2021 - 2022

Bài thi môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Đề số 2)

Họ và tên: Lớp.....

I. Phần trắc nghiệm: Khoanh tròn vào trước câu trả lời đúng

Câu 1 (0.5đ). Số gồm năm chục nghìn, sáu nghìn, hai trăm, tám đơn vị viết là:

- A. 56 208 B. 56 200 C. 56 280 D. 56 218

Câu 2 (0.5đ). Số liền trước số lớn nhất có năm chữ số là:

- A. 90 000 B. 99 998 C. 100000 D. 99 999

Câu 3 (0.5đ). Số 19 viết theo số La Mã là:

- A. XVIII B. XXI C. XIX D. IXX

Câu 4 (0.5đ). Đổi 1km = ... m. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. 10000 B. 1001 C. 1000 D. 100

Câu 5 (1đ). Hình vuông có cạnh là 8cm thì diện tích là:

- A. 32 cm² B. 64cm² C. 64cm D. 32cm

Câu 6 (1đ): Chu vi hình chữ nhật có chiều dài 7cm, chiều rộng 5cm là:

- A. 24cm B. 12cm C. 24 cm² D. 35cm²

II. Phần tự luận

Câu 7 (2đ). Đặt tính rồi tính:

$$23415 + 62819 =$$

$$53409 - 19232 =$$

$$16132 \times 6 =$$

$$93602 : 8 = \quad \text{dư}$$

Câu 8 (1đ). Tìm X:

$$71542 - x = 51079$$

$$x =$$

$$x =$$

$$x : 3 = 17420$$

$$x =$$

$$x =$$

Câu 9 (2đ). Có 5 xe tải chở được 36 700kg hàng. Hỏi 7 xe tải như thế chở được bao nhiêu ki – lô – gam hàng? (Biết mức chở của mỗi xe là như nhau).

Bài giải:

$$\dots\dots\dots$$
$$= ()$$

$$\dots\dots\dots$$
$$= ()$$

Đáp số:

Câu 10 (1đ).

a) Tích của số lớn nhất có 4 chữ số với số chẵn lớn nhất có 1 chữ số là:

b) Tính nhanh:

$$(61273 + 27981 - 2981 - 3273) \times (9 \times 4 - 36) =$$